

Số: 711/BC-UBND

Bắc Kạn, ngày 23 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO
Kế hoạch đầu tư công năm 2022

Thực hiện Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn trình Hội đồng nhân dân tỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022 với các nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

1. Tình hình phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2021

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 được Thủ tướng Chính phủ giao là 2.261,387 tỷ đồng. Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 về giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã phân bổ chi tiết hết nguồn vốn được giao cho các công trình, dự án để các chủ đầu tư thực hiện, bao gồm:

- Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là 541,09 tỷ đồng.
- Ngân sách trung ương (NSTW) trong nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực là 1.022,163 tỷ đồng.
- Nguồn vốn nước ngoài là 698,134 tỷ đồng.

2. Tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021

Lũy kế vốn đã giải ngân đến ngày 22/11/2021 là 1.311,687 tỷ đồng, bằng 58% kế hoạch; ước giải ngân cả năm 2021 là 2.132,887 tỷ đồng, bằng 94% kế hoạch. Cụ thể các nguồn vốn chính:

- Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: giải ngân đến ngày 22/11/2021 là 328,622 tỷ đồng, bằng 61% kế hoạch; ước giải ngân cả năm 2021 đạt 100% kế hoạch.

- Nguồn vốn NSTW trong nước: giải ngân đến ngày 22/11/2021 là 703,543 tỷ đồng, bằng 69% kế hoạch; ước giải ngân cả năm 2021 đạt 100% kế hoạch.

- Nguồn vốn ODA được giao là 698,134 tỷ đồng; giải ngân đến ngày 22/11/2021 là 279,522 tỷ đồng, bằng 40% kế hoạch; ước giải ngân cả năm 2021 là 569,634 tỷ đồng, bằng 82% kế hoạch. UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 5675/UBND-TH ngày 27/8/2021 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về báo cáo rà soát khả năng giải ngân và đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn ODA cấp phát từ ngân sách trung ương năm 2021, theo đó đề nghị điều chỉnh giảm kế hoạch vốn nước ngoài nguồn NSTW năm 2021 là 128,5 tỷ đồng.

3. Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021

Mặc dù các cấp, các ngành, các chủ đầu tư đã tích cực triển khai thực hiện các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2021, nhưng tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 của tỉnh đến thời điểm hiện tại chưa đạt kết quả tốt, những nguyên nhân chủ yếu là:

- Các dự án đầu tư công năm 2021 của tỉnh (kể cả nguồn NSTW và nguồn NSDP) chủ yếu là dự án khởi công mới (các dự án chuyển tiếp sử dụng vốn trong nước chỉ chiếm 6,9% tổng số kế hoạch vốn năm 2021). Do năm 2021 là năm đầu của kỳ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, chủ yếu thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, chưa đến bước triển khai thi công nên chưa có khối lượng để giải ngân kế hoạch vốn.

- Đến thời điểm giữa tháng 9/2021, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 mới được Thủ tướng Chính phủ giao. Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các địa phương quyết định phân bổ vốn cho các dự án khởi công mới vào cuối tháng 9/2021, do vậy đến hết tháng 9/2021 chưa kịp giải ngân.

- Tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, việc di chuyển của công nhân tới công trường làm việc gặp nhiều khó khăn; đồng thời khó khăn trong việc nhập vật tư, nguyên liệu, thiết bị... dẫn đến chậm tiến độ thực hiện và giải ngân các công trình.

- Tỉnh Bắc Kạn là một tỉnh miền núi, diện tích rừng và đất rừng chiếm tỷ lệ lớn. Trong quá trình khảo sát, nghiên cứu lập dự án, tỉnh đều chỉ đạo các chủ đầu tư tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật, tận dụng và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên hiện có, hạn chế tối đa việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và rừng sang mục đích khác. Tuy nhiên, trong quá trình đề xuất thực hiện dự án, đặc biệt là các dự án xây dựng đường giao thông, không tránh khỏi việc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn dự án.

4. Các giải pháp đã triển khai thực hiện để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2021

Ủy ban nhân dân tỉnh xác định mục tiêu giải ngân vốn đầu tư ngân sách nhà nước năm 2021 đạt tỷ lệ 100% kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để thúc đẩy sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng thu ngân sách cho tỉnh, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động... và ứng phó với tác động của đại dịch COVID-19 đang diễn biến phức tạp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã đề ra nhiều giải pháp quyết liệt để thực hiện, cụ thể:

- Chỉ đạo thường xuyên tại các phiên họp định kỳ của Ủy ban nhân dân tỉnh, yêu cầu các chủ đầu tư thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Thường xuyên tổ chức họp giao ban xây dựng cơ bản, kiểm điểm tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các chủ đầu tư. Tổ chức các Đoàn kiểm tra do lãnh đạo UBND

tình làm trưởng đoàn và một số sở, ngành để trực tiếp kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công tại các chủ đầu tư, UBND các huyện, thành phố của tỉnh. Trong đó tập trung chỉ đạo các nội dung: (i) Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc liên quan đến đất đai, tài nguyên; (ii) Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thi công; thực hiện nghiệm thu, lập hồ sơ thanh toán ngay khi có khối lượng; (iii) Rà soát, điều chuyển kế hoạch vốn giữa các dự án chậm giải ngân sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt, còn thiếu vốn; (iv) Thực hiện đấu thầu qua mạng theo quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, lựa chọn nhà thầu đủ năng lực; (v) Xử lý nghiêm các trường hợp nhà thầu vi phạm tiến độ hợp đồng...

- UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác thúc đẩy giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021 tỉnh Bắc Kạn tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 12/7/2021; thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tại Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 và ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo triển khai thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tại Quyết định 1462/QĐ-UBND ngày 06/8/2021.

- UBND tỉnh đã ban hành các Văn bản chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư, như:

+ Công văn số 909/UBND-TH ngày 18/02/2021 về chấp thuận tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021. Trong đó, UBND tỉnh chấp thuận tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công 2021 của từng chủ đầu tư theo từng công trình, dự án.

+ Công văn số 4640/UBND-TH ngày 23/7/2021 về đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021. Trong đó, UBND tỉnh chỉ đạo các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện các thủ tục quyết toán dự án hoàn thành, giải ngân 100% kế hoạch vốn đã giao trước ngày 31/8/2021; các đơn vị đang thực hiện các dự án nhóm B trở lên (kể cả các dự án đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, các dự án ODA) lập biểu tiến độ thực hiện dự án để theo dõi hàng tuần.

+ Công văn số 5508/UBND-TH ngày 20/8/2021 về đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2021; Công văn số 5775/UBND-GTCNXD ngày 31/8/2021 về đôn đốc tiến độ thực hiện và tiến độ giải ngân các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh; Công văn số 7290/UBND-TH ngày 29/10/2021 về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2021.

+ Các thông báo, kết luận khác của lãnh đạo UBND tỉnh.

II. ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

1. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2022

Việc triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2022 phải bám sát các mục tiêu, chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh, Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022. Cụ thể:

a) Thực hiện các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật NSNN, Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2022. Việc phân bổ vốn phải bảo đảm nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định tại Nghị quyết số 973/NQ-UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.

b) Phù hợp với khả năng bố trí nguồn lực đầu tư công và khả năng giải ngân thực tế; bố trí vốn tập trung, tránh dàn trải, lãng phí, trong đó tập trung đầu tư cho các dự án trọng điểm, liên vùng và các dự án chuyên tiếp có khả năng giải ngân để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, đưa vào sử dụng.

c) Nguyên tắc và thứ tự phân bổ vốn như sau:

(1) *Vốn ngân sách trung ương trong nước:*

- Bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

- Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyên tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; trong đó phân đầu giảm thời gian thực hiện và bố trí vốn các dự án nhóm B, nhóm C so với thời gian tối đa được phép quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư;

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới, trong đó ưu tiên cho các dự án đã có đủ thủ tục đầu tư, sẵn sàng triển khai thực hiện.

(2) *Vốn nước ngoài:*

Sau khi rà soát chặt chẽ theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, dự kiến vốn ODA năm 2022 theo các nguyên tắc sau:

- Các chương trình, dự án được bố trí kế hoạch vốn ODA năm 2022 theo thứ tự ưu tiên: dự án kết thúc Hiệp định trong năm 2022 không có khả năng gia hạn Hiệp định, dự án chuyên tiếp, hoàn thành trong năm 2022.

- Bố trí kế hoạch đầu tư vốn ODA cho các dự án bảo đảm theo tiến độ đã ký kết với nhà tài trợ, khả năng cân đối nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng theo quy định của Luật Đất đai, năng lực của chủ đầu tư chương trình, dự án và tiến độ thực hiện dự án.

* Tổng dự kiến kế hoạch vốn ODA cấp phát từ NSTW năm 2022 của tỉnh đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại Văn bản số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021 là 394,552 tỷ đồng; nhu cầu vốn ODA vay lại là 49,883 tỷ đồng. Tuy nhiên, Bộ Tài chính đã báo các Thủ tướng Chính phủ để trình Quốc hội xem xét, phê chuẩn số kế hoạch vốn ODA vay lại năm 2022 của tỉnh là 16 tỷ đồng; với số vốn vay lại này, theo cơ chế tài chính vay lại của các Chương trình, dự án, dự kiến

chỉ rút được số vốn ODA cấp phát từ NSTW năm 2022 tương ứng là 138,8 tỷ đồng; số vốn ODA vay lại còn thiếu để đủ điều kiện rút và giải ngân hết 100% số kế hoạch vốn được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo (394,522 tỷ đồng) là 33,883 tỷ đồng. UBND tỉnh đã có Công văn số 7474/UBND-TH ngày 06/11/2021 gửi Bộ trưởng Bộ Tài chính đề nghị xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội bổ sung vốn ODA vay lại còn thiếu nêu trên.

(3) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương tỉnh điều hành

- Bố trí đủ vốn cho các dự án quyết toán, hoàn thành, các dự án đối ứng nguồn vốn khác, các dự án chuyên tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; trong đó phần đầu giảm thời gian thực hiện và bố trí vốn cho các dự án nhóm C so với thời gian tối đa được phép quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới, trong đó ưu tiên cho các dự án đã có đủ thủ tục đầu tư, để sẵn sàng triển khai thực hiện.

- Kế hoạch vốn năm 2022 bố trí phải phù hợp với thời gian khởi công – hoàn thành ghi trong quyết định đầu tư dự án và tổng số kế hoạch vốn của tỉnh được thông báo, cụ thể:

+ Thời gian khởi công và hoàn thành trong năm 2021: Bố trí kế hoạch vốn khoảng 90% tổng mức đầu tư, chờ quyết toán.

+ Thời gian khởi công - hoàn thành năm 2021 - 2022: Bố trí kế hoạch vốn khoảng 80% tổng mức đầu tư.

+ Thời gian khởi công - hoàn thành năm 2021 - 2023: Bố trí kế hoạch vốn khoảng 60% tổng mức đầu tư.

+ Thời gian khởi công - hoàn thành năm 2022 - 2024: Bố trí kế hoạch vốn khoảng 30% tổng mức đầu tư.

(4) Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết:

Chương trình, dự án, nhiệm vụ phải có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, đảm bảo:

- Đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư;

- Kế hoạch vốn năm 2022 bố trí phải phù hợp với thời gian khởi công - hoàn thành ghi trong quyết định đầu tư dự án và tổng số kế hoạch vốn của tỉnh được thông báo và khả năng giải ngân của dự án, cụ thể:

+ Thời gian khởi công – hoàn thành năm 2021 - 2022: Bố trí kế hoạch vốn khoảng 80% tổng mức đầu tư.

+ Thời gian khởi công – hoàn thành năm 2021 - 2023: Bố trí kế hoạch vốn khoảng 70% tổng mức đầu tư.

+ Thời gian khởi công – hoàn thành năm 2021 – 2023 và đối ứng ngân sách huyện, thành phố: Bố trí kế hoạch vốn khoảng 60% tổng mức đầu tư.

(5) *Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất:*

Nguyên tắc phân bổ trên cơ sở tỷ lệ phần trăm chia theo quy định tại Dự thảo Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn và số liệu dự toán nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2022 đã được Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính thống nhất với UBND các huyện, thành phố.

III. KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VÀ CÂN ĐỐI CÁC NGUỒN VỐN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022

Dự kiến tổng kế hoạch đầu tư công năm 2022 của tỉnh là **2.647.981 triệu đồng** (chưa bao gồm vốn chương trình mục tiêu quốc gia), gồm:

1. Nguồn vốn ngân sách trung ương: 2.083.031 triệu đồng, trong đó:

- Vốn NSTW trong nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 1.688.479 triệu đồng (Trong đó: đầu tư cho dự án trọng điểm, liên kết vùng là 930.930 triệu đồng).

- Vốn nước ngoài: 394.552 triệu đồng.

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương: 564.950 triệu đồng, trong đó:

- Chi XDCB vốn tập trung trong nước: 400.290 triệu đồng;

- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 142.000 triệu đồng (số kế hoạch vốn được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo là 104.000 triệu đồng).

- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 18.000 triệu đồng (số kế hoạch vốn được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo là 16.000 triệu đồng).

- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 4.660 triệu đồng (số kế hoạch vốn được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo là 7.500 triệu đồng).

(Chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)

IV. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022

1. Phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách địa phương

a) Nguồn cân đối ngân sách địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn (chi XDCB vốn tập trung trong nước): **388.950 triệu đồng**¹. Trong đó:

- Phần vốn tỉnh điều hành (70% số thông báo): **273.433 triệu đồng** (sau khi đã trừ đi khoản trả nợ gốc các dự án ODA cấp tỉnh là 6.770 triệu đồng), phân bổ như sau:

+ Dự án quyết toán, dự án hoàn thành: 9.544 triệu đồng.

+ Đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA: 116.960 triệu đồng;

+ Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 (đầu tư cho dự án trọng

¹ Nguồn NSDP phân bổ chi tiết = số kế hoạch vốn được thông báo (400.290 triệu đồng) - số trả nợ gốc cấp tỉnh (6.770 triệu đồng) - số trả nợ gốc cấp thành phố (4.570 triệu đồng).

điểm, liên kết vùng): 35.000 triệu đồng²;

+ Lập quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các nhiệm vụ quy hoạch khác: 9.518 triệu đồng;

+ Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025: 102.411 triệu đồng.

- Phân bổ cho UBND các huyện, thành phố điều hành (30% số thông báo): **115.517 triệu đồng** (sau khi đã trừ đi khoản trả nợ gốc các dự án ODA của thành phố Bắc Kạn là 4.570 triệu đồng).

b) Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: **142.000 triệu đồng**.

- Vốn tinh quản lý: 24.320 triệu đồng.

- Phân bổ cho các huyện, thành phố: 117.680 triệu đồng.

c) Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: **18.000 triệu đồng**.

d) Vay lại của Chính phủ: **16.000 triệu đồng**.

(Chi tiết tại biểu số 02 kèm theo)

2. Phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương

a) Phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương trong nước (1.688.479 triệu đồng) như sau:

- Lĩnh vực Quốc phòng: 10.000 triệu đồng.

- Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: 75.000 triệu đồng.

- Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình, thông tấn: 20.000 triệu đồng.

- Lĩnh vực Bảo vệ môi trường: 22.000 triệu đồng.

- Lĩnh vực Nông nghiệp: 130.000 triệu đồng.

- Lĩnh vực Giao thông: 1.143.930 triệu đồng (Trong đó: đầu tư cho dự án trọng điểm, liên kết vùng là 930.930 triệu đồng).

- Lĩnh vực Du lịch: 234.236 triệu đồng.

- Lĩnh vực Công nghệ thông tin: 30.000 triệu đồng.

- Đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi các nhà tài trợ nước ngoài: 23.313 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 03 kèm theo)

b) Phương án phân bổ vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW

Bố trí toàn bộ kế hoạch vốn nước ngoài năm 2022 cho các dự án chuyển tiếp: 394.552 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 04 kèm theo)

V. GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

² bố trí kế hoạch vốn để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

1. Dự kiến các kết quả đạt được của phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2022

Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 nêu trên đảm bảo tuân thủ đúng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn NSNN theo quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuân thủ đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật NSNN, các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang thực hiện giai đoạn 2021-2025 được bố trí kế hoạch vốn năm 2022 phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn, đảm bảo bố trí đủ vốn để hoàn thành dự án theo tiến độ.

Các dự án khởi công mới được lựa chọn triển khai thực hiện trong năm 2022 đã hoàn thành thủ tục phê duyệt quyết định đầu tư dự án trước khi được phân bổ kế hoạch vốn. Như vậy, các dự án này đều đáp ứng điều kiện bố trí kế hoạch theo quy định tại Điều 53 Luật đầu tư công và phù hợp với các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của tỉnh, phù hợp với các quy hoạch có liên quan. Số kế hoạch vốn dự kiến phân bổ cho từng dự án đảm bảo phù hợp với khả năng giải ngân và thời gian bố trí kế hoạch vốn theo quy định.

Với phương án phân bổ như trên, dự kiến kế hoạch vốn năm 2022 sẽ được triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo đầu tư tập trung, đồng bộ, chất lượng, và đảm bảo khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn được giao trong thời hạn quy định.

2. Giải pháp điều hành, tổ chức thực hiện

Để đảm bảo tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2022, phấn đấu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư tổ chức triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp chính như sau:

- Khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư, thủ tục đấu thầu và các thủ tục có liên quan khác của các dự án khởi công mới năm 2022 để khi dự án có thể triển khai ngay sau khi giao vốn.

- Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ thực hiện phân bổ chi tiết kế hoạch vốn được giao cho từng dự án. Đồng thời, yêu cầu các chủ đầu tư cam kết kế hoạch giải ngân vốn để theo dõi, giám sát. Giao các cơ quan chuyên môn theo dõi sát sao tiến độ thực hiện của các chủ đầu tư, kịp thời báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo, giải quyết.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư tập trung triển khai thực hiện dự án theo kế hoạch đề ra, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền. Duy trì tổ

chức họp giao ban 1 tháng/lần với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công.

- Ngay từ đầu năm, thực hiện phân công trách nhiệm từng đồng chí lãnh đạo UBND tỉnh phụ trách trực tiếp từng lĩnh vực đầu tư, theo dõi tiến độ thực hiện, giải ngân của từng dự án, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, kiên quyết không để chậm những việc thuộc thẩm quyền được giao.

- Định kỳ tổ chức các Đoàn kiểm tra do lãnh đạo UBND tỉnh làm trưởng đoàn và một số sở, ngành để trực tiếp kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công tại các đơn vị, địa phương của tỉnh.

Trên đây là báo cáo Kế hoạch đầu tư công năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Tài chính;
- LĐVP (đ/c Nguyễn);
- Lưu: VT, TH (M.A).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Bình

Biểu số 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 211 /BC-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2021			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch năm 2022	Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân từ 01/01/2021 đến 22/11/2021	Tỷ lệ giải ngân			
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	2.261.387	1.311.687	58%	9.439.666	2.647.981	
I	Vốn ngân sách địa phương	541.090	328.622	61%	2.875.200	564.950	
1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương)	400.290	259.324	65%	2.256.400	400.290	
	Trong đó:						
	+ Phân bổ chi tiết cho các công trình dự án					388.950	Chi tiết tại biểu số 02
	+ Trả nợ gốc cấp tỉnh					6.770	Tổng kế hoạch vay lại là 16.000 triệu đồng
	+ Trả nợ gốc cấp thành phố					4.570	
2	Bội chi ngân sách địa phương	30.800	30.729	100%	30.800	4.660	
3	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	95.000	36.718	39%	505.000	142.000	Chi tiết tại biểu số 02
4	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	15.000	1.851	12%	83.000	18.000	Chi tiết tại biểu số 02
II	Vốn ngân sách trung ương bổ sung cho địa phương	1.720.297	983.065	57%	6.564.466	2.083.031	
1	Vốn trong nước	1.022.163	703.543	69%	5.360.966	1.688.479	Chi tiết tại biểu số 03
	Trong đó: Đầu tư các dự án trọng điểm, liên kết vùng	300.000	300.000	100%	1.700.000	930.930	
2	Vốn nước ngoài	698.134	279.522	40%	1.203.500	394.552	Chi tiết tại biểu số 04

Biểu số 02
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NĂM 2022
 (Kèm theo Báo cáo số 811 /BC-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Tỷ lệ vốn đã bố trí	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG				4.460.725	390.929		577.729	2.844.400	814.196	564.950			
	CHỈ VÀY DỰNG CƠ BẢN VỐN ĐẦU TƯ TRUNG TRONG NƯỚC				4.351.547	916.876		577.729	2.256.400	695.396	588.950			
A.1	Nguồn ngân sách tỉnh điều hành				4.351.547	916.876		577.729	1.579.480	575.909	2.731.433			
a	Dự phòng chung ngân sách địa phương								225.640					
b	Trả nợ gốc các dự án ODA								90.000				Sở Tài chính	
c	Bố trí cho các dự án theo ngành/lĩnh vực													
I	Quốc phòng				38.534	37.000		9.764	22.640	25.215	2.650			
	<i>Dự án quyết toán, dự án hoàn thành</i>													
1	Doanh trại Trường Quân sự địa phương tỉnh Bắc Kạn			2319/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	5.000	5.000	206/QĐ-STC ngày 26/10/2020	4.816	67	4.817		100%	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
2	Khu sơ tán của huyện Ngân Sơn, hạng mục Hầm họp Ban Chấp hành và Nhà Sa bàn			63/QĐ-UBND ngày 9/8/2019 của UBND huyện Ngân Sơn	5.034	3.500	144/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	4.948	73	3.398		100%	UBND huyện Ngân Sơn	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>													
3	Xây dựng, cải tạo các công trình chiến đấu phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2021	2021	2022	97/QĐ-UBND ngày 07/4/2021	28.500	28.500			22.500	17.000	2.650	90%	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi 06 tỷ đồng
					25.000	25.000			25.000	4.768	10.300			
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội													
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>													
4	Đầu tư trang thiết bị, phương tiện cho lực lượng công nghệ cao và an ninh mạng	2021	2023	311/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	14.500	14.500			14.500	4.185	4.500	60%	Công an tỉnh	
5	Trụ sở làm việc Công an xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn	2021	2023	2167/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	4.300	4.300			4.300	227	2.400	61%	Công an tỉnh	
6	Trụ sở làm việc công an phường Xuất Hóa	2021	2023	2168/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	6.200	6.200			6.200	356	3.400	61%	Công an tỉnh	
					67.980	30.842		19.610	22.260	9.127	7.461			
III	Giáo dục, đào tạo													
	<i>Dự án quyết toán, dự án hoàn thành</i>													
8	Xây dựng trường mầm non Nông Thịnh đạt chuẩn Quốc gia	2019	2021	2338a/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	6.599	2.159	505/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND huyện Chợ Mới	6.362	227	2.127		100%	UBND huyện Chợ Mới	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CENS tính	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn CENS năm 2022	Tỷ lệ vốn đã bố trí	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
9	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Địa Linh đạt chuẩn, huyện Ba Bê, tỉnh Bắc Kạn	2018	2020	1851/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Ba Bê	7.000	5.000	3897/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	6.479	250	5.000	100%		UBND huyện Ba Bê	
10	Nâng cấp trường tiểu học Nông Thịnh để công nhận lại đạt chuẩn quốc gia mức độ I	2018	2020	2371/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	7.189	2.000	458/QĐ-UBND ngày 25/3/2021	6.769	100	2.000	100%		UBND huyện Chợ Mới	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>													
11	Trường Mầm non Vi Hương, huyện Bạch Thông	2021	2023	2175/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	9.000	7.371			7.371	-	4.400	60%	UBND huyện Bạch Thông	
12	Trường Tiểu học Phương Viên, huyện Chợ Đồn	2021	2023	1634/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	14.502	1.895			1.895	-	1.150	61%	UBND huyện Chợ Đồn	
13	Trường THCS Quảng Chu, huyện Chợ Mới	2022	2024	2169/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	8.780	1.911			1.911	-	1.911	100%	UBND huyện Chợ Mới	Dự án sử dụng 02 nguồn: NS tỉnh và XSKT
14	Trường Mầm non Nhận Môn, huyện Pác Nặm	2023	2025		14.910	10.506			10.506	-			UBND huyện Pác Nặm	
IV	Khoa học và công nghệ				10.000	10.000			10.000	125				
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>													
15	Đầu tư trang thiết bị đo lường, thử nghiệm thuộc Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021-2025	2022	2024		10.000	10.000			10.000	125		1%	Sở Khoa học công nghệ	
V	Y tế, dân số và gia đình				64.445	64.445			12.108	53.927	17.038	25.950		
	<i>Dự án quyết toán, dự án hoàn thành</i>													
16	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Pác Nặm			2120/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.554	3.554	257/QĐ-STC ngày 22/12/2020	3.440	606	3.452		100%	Sở Y tế	
17	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn			2118/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.272	3.272	05/QĐ-STC ngày 08/01/2021	3.205	573	3.214		100%	Sở Y tế	
18	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Ba Bê			2117/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.800	1.800	254/QĐ-STC ngày 21/12/2020	1.743	163	1.754		100%	Sở Y tế	
19	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới			2121/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.999	1.999	03/QĐ-STC ngày 06/01/2021	1.907	315	1.915		100%	Sở Y tế	
20	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn			2110/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.870	1.870	272/QĐ-STC ngày 28/12/2020	1.813	320	1.824		100%	Sở Y tế	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>													
21	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Trung cấp Y tế Bắc Kạn thành cơ sở điều trị	2021	2023	2177/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	37.000	37.000			37.000	831	21.000	59%	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
22	Sửa chữa trung tâm y tế tuyến huyện	2021	2023	1644/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	14.950	14.950			14.950	4.048	4.950	60%	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Tỷ lệ vốn đã bố trí	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
VI	Văn hóa, thông tin				2.009	2.009	-	-	969	1.910	-			
	<i>Dự án quyết toán, dự án hoàn thành</i>													
23	Sửa chữa nhà văn hóa tỉnh Bắc Kạn			2116/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 1860/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	2.009	2.009			969	1.910		100%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
VII	Phát thanh, truyền hình				28.745	28.745	-	4.811	23.811	11.216	12.600			
	<i>Dự án quyết toán, dự án hoàn thành</i>													
24	Nâng cao hiệu quả hoạt động của Đài truyền thanh cơ sở để hoàn thành mục tiêu Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XI về chỉ tiêu: "đến năm 2020, 100% các xã, phường có trạm truyền thanh hoạt động tốt".			1394/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh	4.998	4.998	245/QĐ-STC ngày 14/12/2020	4.811	61	4.811		100%	Sở Thông tin và Truyền thông	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>													
25	Hoàn thiện hệ thống truyền thanh cơ sở	2021	2022	1645/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	23.747	23.747			23.750	6.405	12.600	80%	Sở Thông tin và Truyền thông	
VIII	Bảo vệ môi trường				9.000	9.000	-	-	9.000	-	-			
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>													
26	Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường do nước thải y tế tại Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn	2023	2025		9.000	9.000			9.000				UBND huyện Ngân Sơn	
IX	Nông nghiệp, lâm nghiệp				165.610	39.592	-	1.638	20.717	31.988	8.100			
	<i>Dự án quyết toán, dự án hoàn thành</i>													
27	Khu cách ly kiểm dịch động vật						278/QĐ-STC ngày 31/12/2020	1.638	39	1.638		100%	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	
28	Khắc phục sạt lở đất tại thôn Khuổi Lót, xã Thanh Bình, huyện Chợ Mới (kinh phí trồng rừng thay thế)			1943/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	3.412	3.412			178	2.950		100%	UBND huyện Chợ Mới	
29	Kè chống xói lở bờ hữu Sông Cầu đoạn qua tổ Bản Vén, phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn			2109/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	25.700	12.000			6.000	11.400	600	100%	UBND thành phố Bắc Kạn	
30	Kè bờ sông cầu bảo vệ khu dân cư, công trình quốc phòng và hạ tầng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn			1215/QĐ-UBND ngày 02/7/2020	38.500	3.500			3.500	-	3.500	100%	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
31	Khắc phục khẩn cấp vùng sạt lở đất xã Cổ Linh, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn			1225/QĐ-UBND ngày 03/7/2020	20.000	5.000			5.000	4.000	1.000	100%	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Tỷ lệ vốn đã bố trí	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
32	Dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO2			QĐ số 4714/QĐ-BNN-HTQT ngày 13/11/2015, QĐ số 1879/QĐ-UBND ngày 08/11/2017	77.998	15.680			6.000	12.000	3.000	100%	Sở NN&PTNT	
X	Giao thông				3.390.181	393.461			426.896	342.286	156.425	49.094		
	<i>Dự án quyết toán, dự án hoàn thành</i>													
33	Đường từ trung tâm xã - Nà Cây, xã Cao Sơn, huyện Bạch Thông			Quyết định số 2150/QĐ-UBND ngày 02/12/2013	46.100	2.017	09/QĐ-UBND ngày 13/01/2020	37.666	145	2.017		100%	UBND huyện Bạch Thông	
34	Sửa chữa, nâng cấp mặt đường từ ĐT 254 đến thôn Vằng Đoọc, xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn			2051/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	3.000	3.000	1309/QĐ-UBND ngày 3/6/2021 của UBND huyện Chợ Đồn	2.901	501	2.901		100%	UBND huyện Chợ Đồn	
35	Đường Vũ Loan - Văn Học, huyện Na Rì			2104/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	12.000	12.000	694/QĐ-UBND ngày 19/5/2021	11.230	2.730	11.230		100%	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
36	Nâng cấp, cải tạo ĐT255, huyện Chợ Đồn			1231/QĐ-UBND ngày 11/7/2011; 363/QĐ-UBND ngày 28/3/2017	416.203	31.666	2356/QĐ-UBND ngày 25/11/2019	375.099	1.444	26.757	1.444	100%	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
37	Xây dựng cầu dân sinh và QLTS đường địa phương (LRAMP) - Hợp phần cầu (huyện Bạch Thông)			2529/QĐ-TTg, 21/12/2015; 622/QĐ-BGTVT, 02/3/2016	722	722			518	518		72%	UBND huyện Bạch Thông	
38	Đường vào trung tâm chữa bệnh - giáo dục lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn			2036/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; 1184/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	6.058	6.058			3.813	5.755		95%	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>													
39	Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bè kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	2021	2024	1854/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	2.837.809	277.809			272.935	99.500	35.000	48%	Sở Giao thông vận tải	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>													
40	Cầu vượt dòng thôn Khuổi Sluôn, xã Dương Sơn, huyện Na Rì	2021	2023	1637/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	10.000	7.000			7.000	1.889	2.300	60%	UBND huyện Na Rì	
41	Tuyến đường từ QL3 xã Hiệp Lực - QL279 (thôn Liên Kết)	2022	2024		30.000	27.000			27.000	493		2%	UBND huyện Ngân Sơn	
42	Cầu Nà Mực, xã Văn Minh, huyện Na Rì	2021	2023	1638/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	9.000	8.000			8.000	2.050	2.750	60%	UBND huyện Na Rì	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Tỷ lệ vốn đã bố trí	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
43	Công hợp bê tông cốt thép tại lý trình Km8+432 thuộc tuyến đường từ xã Lương Bằng đi Tuyên Quang	2021	2023	2176/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	3.989	3.989			4.000	1.154	1.250	60%	UBND huyện Chợ Đồn	
44	Cầu Máy Van và Cầu Slam Coóc, huyện Ngân Sơn	2021	2023	1639/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	7.800	6.700			6.700	1.895	2.100	60%	UBND huyện Ngân Sơn	
45	Cải tạo, sửa chữa mặt đường và vỉa hè đường lên trụ sở Tỉnh ủy và UBND tỉnh	2021	2023	2120/QĐ-UBND ngày 8/11/2021	7.500	7.500			7.500	266	4.250	60%	UBND thành phố Bắc Kạn	
XI	Khu công nghiệp				4.113	4.113			1.852	3.907				
	<i>Dự án quyết toán, dự án hoàn thành</i>													
46	Xử lý kỹ thuật mái taluy dương và hệ thống thoát nước phía Đông Khu công nghiệp Thanh Bình			1385/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn	4.113	4.113			1.852	3.907		95%	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	
XII	Cấp nước, thoát nước				256.419	31.135			2.800	21.656				
	<i>Dự án quyết toán, dự án hoàn thành</i>													
47	Dự án cấp nước và vệ sinh thị xã Bắc Kạn (hợp phần thoát nước)			Số:1550/QĐ-UBND ngày 25/6/2009; Số:1513/QĐ-UBND ngày 22.9.2016	256.419	31.135			2.800	21.656		70%	Sở Xây dựng	
XIII	Công nghệ thông tin				2.000	2.000		1.978	79	1.979				
	<i>Dự án quyết toán, dự án hoàn thành</i>													
48	Nâng cấp hệ thống Công nghệ thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn			1401/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh	2.000	2.000	200/QĐ-STC ngày 21/10/2020	1.978	79	1.979		100%	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn	
XIV	Quy hoạch				40.318	40.318			30.318	30.800	9.518			
49	Lập Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050			2357/QĐ-UBND ngày 26/11/2019; 2122/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	39.143	39.143			29.143	30.000	9.143	100%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
50	Điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng (trước đây là quy hoạch chi tiết) Khu công nghiệp Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn I			1012/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	692	692			692	500	192	100%	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	
51	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu Tái định cư và Dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn I			1011/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	483	483			483	300	183	100%	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	
XV	Xã hội				12.034	12.034			12.400	3.150	4.100			
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>													

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Tỷ lệ vốn đã bố trí	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
52	Cải tạo, sửa chữa cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh	2021	2023	1642/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	12.034	12.034			12.400	3.150	4.100	60%	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
XVI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước				235.157	187.181		100.923	88.080	115.382	26.700			
	<i>Dự án quyết toán, dự án hoàn thành</i>													
53	Nhà khách tỉnh Bắc Kạn (khu B)			2032/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; 1162/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	2.738	2.738	24/QĐ-STC ngày 04/02/2021	2.485	21	2.485		100%	Văn phòng UBND tỉnh	
54	Hội trường tỉnh Bắc Kạn			số 277/QĐ-UBND ngày 22/02/2018; 1186/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	46.111	21.111	696/QĐ-UBND ngày 19/5/2021	41.267	1.362	21.280		100%	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
55	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc liên cơ quan Chi cục Thú y - Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật - Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản - Trung tâm khuyến nông			2113/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.163	3.163	38/QĐ-STC ngày 18/3/2021 của Sở Tài chính	2.775	245	2.775		100%	Sở NN&PTNT	
56	Trụ sở làm việc Sở Lao động, Thương binh & Xã hội			2112/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.710	1.710	09/QĐ-STC ngày 09/01/2021 của Sở Tài chính	1.555	188	1.556		100%	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
57	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Kế hoạch & Đầu tư			2114/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.530	1.530	39/QĐ-STC ngày 31/3/2021 của Sở Tài chính	1.486	264	1.488		100%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
58	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Thông tin & Truyền thông			2115/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 1786/QĐ-UBND ngày 01/10/2020	2.672	2.672	140/QĐ-STC ngày 20/8/2021 của Sở Tài chính	2.542	397	2.538		100%	Sở Thông tin và Truyền thông	
59	Trụ sở UBND xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn			2195/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Đồn	5.500	5.000	3955/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND huyện Chợ Đồn	4.917	250	4.750		100%	UBND huyện Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn đã bố trí đủ vốn để thi công quyết toán
60	Trụ sở UBND xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn			1662/QĐ-UBND ngày 9/8/2019 của UBND huyện Ngân Sơn	7.188	5.000	2841/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện Ngân Sơn	6.948	10	4.760		100%	UBND huyện Ngân Sơn	
61	Trụ sở UBND xã Trung Hòa, huyện Ngân Sơn			1663/QĐ-UBND ngày 9/8/2019 của UBND huyện Ngân Sơn	6.667	5.000	2915/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện Ngân Sơn	6.182	250	5.000		100%	UBND huyện Ngân Sơn	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Tỷ lệ vốn đã bố trí	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
62	Trụ sở UBND xã Bình Văn, huyện Chợ Mới			1649/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	7.150	5.000	1546/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND huyện Chợ Mới	6.821	120	4.870		100%	UBND huyện Chợ Mới	
63	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Tỉnh ủy và trụ sở các Ban xây dựng đảng Tỉnh ủy			2046/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; 1450/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	18.245	18.245	1548/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	17.031	6.351	17.031		100%	VP Tỉnh ủy	
64	Hỗ trợ UBND huyện Ngân Sơn để xây dựng Trụ sở UBND xã Lăng Ngâm			2256/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện Ngân Sơn	7.200	5.000	801/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND huyện Ngân Sơn	6.915	4.750	4.750		100%	UBND huyện Ngân Sơn	
65	Trụ sở UBND xã Chu Hương, huyện Ba Bể			1852/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Ba Bể	7.097	5.000			250	4.750		95%	UBND huyện Ba Bể	
66	Trụ sở UBND xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể			4150a/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Ba Bể	7.050	5.000			250	4.750		95%	UBND huyện Ba Bể	
67	Trụ sở UBND xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới			1650/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	6.988	5.000			250	4.750		95%	UBND huyện Chợ Mới	
68	Trụ sở UBND xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới			1651/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	8.000	5.000			250	4.750		95%	UBND huyện Chợ Mới	
69	Trụ sở UBND xã Dương Phong, huyện Bạch Thông			1479/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bạch Thông	6.200	5.000			250	4.750		95%	UBND huyện Bạch Thông	
70	Trụ sở UBND xã Vi Hương, huyện Bạch Thông			1478/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bạch Thông	6.500	5.000			250	4.750		95%	UBND huyện Bạch Thông	
71	Trụ sở UBND xã Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông			1477/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bạch Thông	6.500	5.000			250	4.750		95%	UBND huyện Bạch Thông	
72	Trụ sở UBND xã Mai Lạp, huyện Chợ Mới			1652/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	2.566	2.095			105	1.990		95%	UBND huyện Chợ Mới	
73	Trụ sở UBND xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới			1653/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	2.400	2.000			100	1.900		95%	UBND huyện Chợ Mới	
<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>														
74	Cải tạo, nâng cấp trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	2021	2023	2170/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	5.000	5.000			5.000	405	2.600	60%	UBND huyện Ba Bể	
75	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	2021	2023	1640/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	6.000	6.000			6.000	1.614	2.000	60%	UBND huyện Ngân Sơn	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Tỷ lệ vốn đã bố trí	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
78	Trạm Kiểm soát liên ngành trên Quốc lộ 3 mới Chợ Mới - Thái Nguyên	2021	2023		14.200	14.200			14.200	537		4%	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
79	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở Sở Nội vụ	2021	2023	2055/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	5.300	5.300			5.300	224	2.950	60%	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
80	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Khoa học và Công nghệ	2021	2023	1641/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	3.400	3.400			3.400	860	1.200	61%	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
81	Xây bổ sung nhà làm việc Hội Chữ thập đỏ + Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	2021	2023	1934/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	737	737			737	-	450	61%	Hội chữ thập đỏ tỉnh	
82	Cải tạo, sửa chữa Nhà Văn hóa tỉnh	2021	2022	1643/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	1.500	1.500			1.500	386	850	82%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
83	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường	2021	2023		7.000	7.000			7.000	395		6%	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
84	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh	2021	2023	2171/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	3.000	3.000			3.000	149	1.650	60%	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
85	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật Tỉnh ủy Bắc Kạn	2021	2023	2172/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	25.780	25.780			25.780	389	15.000	60%	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
d	Đổi ứng dự án ODA								248.537	140.623	116.960			
1	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả			3102/QĐ-BNN-HHQT, 21/7/2016	213.630	16.946			5.678	10.178	2.000		Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	
2	Dự án Hạ tầng cơ bản chợ phát triển toàn diện các tỉnh vùng Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn- Tiểu dự án tỉnh Bắc Kạn			1205/QĐ-TT; 17/8/2017; 1249/QĐ-UBND 25/8/2017; 1767/QĐ-UBND 23/10/2018	1.071.289	174.087			126.380	54.380	81.333		Sở Kế hoạch và Đầu tư	
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương vốn vay WB (LRAMP) Hợp phần đường			2529/QĐ-TTg, 21/12/2015; 622/QĐ-BGTVT, 02/3/2016	214.432	18.360			2.500	7.232	800		Sở Giao thông Vận tải	
4	Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc-thị xã Bắc Kạn (giai đoạn II)			1721/QĐ-UBND, 30/10/2015; 1010/QĐ-UBND, 29/6/2021	585.301	70.834			6.750	21.750	-		UBND thành phố Bắc Kạn	
5	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập			4638/QĐ-BNN-HTQT, 9/11/2015	89.880	4.505			4.505	1.300	407		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
6	Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Bắc Kạn (CSP)			1438/QĐ-UBND, 07/9/2016; 762/QĐ-UBND, 02/06/2017; 1896/QĐ-UBND, 21/10/2020	840.129	93.670			70.670	40.323	26.000		Ban Điều phối dự án CSP tỉnh	
7	Dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở"- Dự án thành phần tỉnh Bắc Kạn			481/QĐ-UBND, 29/3/2019 và 223/QĐ-UBND, 17/02/2020	153.653	32.504			32.054	5.460	6.420		Sở Y tế	
d	Các nhiệm vụ khác				-	-			349.164	-	-			

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Tỷ lệ vốn đã bố trí	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
d.1	Đổi ứng các Chương trình Mục tiêu quốc gia								240.000	-				
d.2	Thực hiện các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo Luật Quy hoạch								28.850	-				
d.3	Kinh phí hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ								30.000	-				
d.4	Bổ sung vốn cho các quỹ								20.000	-				
	Quỹ Hỗ trợ nông dân								10.000	-				
	Quỹ Phát triển HTX								10.000	-				
d.5	Các dự án đang hoàn thiện thủ tục đầu tư								28.897					
									676.920	120.087	115.517			
Phân bổ cho cấp huyện điều hành														
a	Trả nợ gốc các dự án ODA									2.249				
1	Thành phố Bắc Kạn									1.252			UBND thành phố Bắc Kạn	
2	Huyện Bạch Thông									23			UBND huyện Bạch Thông	
3	Huyện Chợ Đồn									573			UBND huyện Chợ Đồn	
4	Huyện Na Rì									401			UBND huyện Na Rì	
Phân bổ cho cấp huyện điều hành									676.920	117.838	115.517			
1	Thành phố Bắc Kạn								109.898	18.244	14.926		UBND thành phố Bắc Kạn	
2	Huyện Pác Nặm								73.550	13.048	13.048		UBND huyện Pác Nặm	
3	Huyện Ba Bể								75.406	13.377	13.377		UBND huyện Ba Bể	
4	Huyện Ngân Sơn								72.084	12.788	12.788		UBND huyện Ngân Sơn	
5	Huyện Bạch Thông								79.316	14.048	14.071		UBND huyện Bạch Thông	
6	Huyện Chợ Đồn								104.511	17.967	18.541		UBND huyện Chợ Đồn	
7	Huyện Chợ Mới								84.101	14.920	14.920		UBND huyện Chợ Mới	
8	Huyện Na Rì								78.054	13.446	13.847		UBND huyện Na Rì	
ĐẦU TƯ NGUỒN PHỤ TIÊN SỬ DỤNG ĐẤT									505.000	103.800	142.000			

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Tỷ lệ vốn đã bố trí	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B.1	Cấp tỉnh điều hành								50.500	10.380	24.320			Phân bổ chi tiết sau
B.2	Cấp huyện điều hành								454.500	93.420	117.680			
1	Thành phố Bắc Kạn								324.000	71.100	88.300		UBND thành phố Bắc Kạn	
2	Huyện Pác Nặm								18.900	1.170	1.500		UBND huyện Pác Nặm	
3	Huyện Ba Bê								25.200	7.200	12.650		UBND huyện Ba Bê	
4	Huyện Ngân Sơn								7.200	540	400		UBND huyện Ngân Sơn	
5	Huyện Bạch Thông								12.600	1.530	1.730		UBND huyện Bạch Thông	
6	Huyện Chợ Đồn								45.000	9.000	9.400		UBND huyện Chợ Đồn	
7	Huyện Chợ Mới								9.000	900	1.500		UBND huyện Chợ Mới	
8	Huyện Na Rì								12.600	1.980	2.200		UBND huyện Na Rì	
	TỔNG CỘNG								83.000	15.000	18.000			
1	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Thượng Giáo, huyện Ba Bê	2021	2022	1646/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	2.353	2.353			3.000	1.619	300	82%	UBND huyện Ba Bê	
2	Trường Mầm non Yên Dương, huyện Ba Bê, tỉnh Bắc Kạn	2023	2025		7.000	7.000			7.000	-	-		UBND huyện Ba Bê	
3	Trường Mầm non Sỹ Bình, huyện Bạch Thông	2021	2022	2174/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	8.758	8.758			8.758	454	6.600	81%	UBND huyện Bạch Thông	
4	Trường Mầm non Vi Hương, huyện Bạch Thông	2021	2023	2175/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	9.000	1.629			1.629	461	700	71%	UBND huyện Bạch Thông	
5	Trường Tiểu học Phương Viên, huyện Chợ Đồn	2021	2023	1634/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	14.502	11.105			11.105	6.996	850	71%	UBND huyện Chợ Đồn	
6	Trường THCS Quảng Chu, huyện Chợ Mới	2022	2024		8.780	6.869			6.869	-	-		UBND huyện Chợ Mới	Dự án sử dụng 02 nguồn: NS tỉnh và XSKT
7	Trường TH&THCS Văn Minh, huyện Na Rì	2021	2023	1635/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	5.400	5.400			5.400	3.215	1.000	78%	UBND huyện Na Rì	
8	Trường TH&THCS Lam Sơn, huyện Na Rì	2023	2025		2.800	2.261			2.261	133	-		UBND huyện Na Rì	
9	Trường Tiểu học Hiệp lực, huyện Ngân Sơn	2023	2025		9.500	7.159			7.159	-	-		UBND huyện Ngân Sơn	
10	Trường Mầm non Nhận Môn, huyện Pác Nặm	2023	2025		14.910	4.404			4.404	-	-		UBND huyện Pác Nặm	
11	Trường Tiểu học Công Bằng (Hạng mục: Các phòng học bộ môn)	2021	2022	360/QĐ-UBND ngày 16/3/2021	2.000	2.000			2.000	1.800	-	90%	UBND huyện Pác Nặm	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2021 nguồn vốn CĐNS tỉnh	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn CĐNS năm 2022	Tỷ lệ vốn đã bố trí	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	Trường Mầm non Dương Quang, thành phố Bắc Kạn	2021	2023	2173/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	24.175	15.115			15.115	322	8.550	59%	UBND thành phố Bắc Kạn	
13	Đổi ứng thực hiện Chương trình MTQG								8.300	-				
D	Vay lại của Chính phủ										16.000			
1	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả										400		Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn	
2	Xây dựng cầu dân sinh và QLTS đường địa phương (LRAMP) - Hợp phần đường										1.500		Sở GTVT	
3	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh vùng Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn- Tiểu dự án tỉnh Bắc Kạn										5.405		Sở Kế hoạch và Đầu tư	
4	Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Bắc Kạn (CSSP)										4.000		Ban Điều phối CSSP tỉnh Bắc Kạn	
5	Dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở"- Dự án thành phần tỉnh Bắc Kạn										4.000		Sở Y tế	
6	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập										695		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	

Biểu số 03
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022
 (Kèm theo Báo cáo số 811 /BC-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện dự án		Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	TMĐT		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 được giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2022			Tỷ lệ bố trí vốn lũy kế	Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Khởi công	Hoàn thành		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó				
									Vốn cho dự án liên vùng	Thu hồi các khoản ứng trước				Tổng số				Vốn cho dự án liên vùng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
TỔNG SỐ					9.851.112	6.340.869	5.360.966	11.700.000	16.966	1.811.128	1.716.802	1.688.179	930.930					
I	Quốc phòng				125.000	125.000	125.000	-	-	76.973	76.973	10.000						
	<i>Dự án khởi công mới</i>																	
1	Xây dựng cải tạo tuyến đường vào các xã CT229 huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	2021	2025	156/QĐ-UBND ngày 19/5/2021	125.000	125.000	125.000			76.973	76.973	10.000			70%	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh		
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				85.930	85.930	17.146											
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021</i>																	
2	Đầu tư hạ tầng các khu dân cư đồng bào Mông, tỉnh Bắc Kạn	2017	2021	413/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	85.930	85.930	17.146			77.337	77.337						Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				270.321	270.321	80.721			5.580	5.580	75.000						
	<i>Dự án khởi công mới</i>																	
3	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các trường học trên địa bàn tỉnh	2022	2025	Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	270.321	270.321	80.721			5.580	5.580	75.000			30%	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
IV	Phát thanh, truyền hình, thông tấn				48.000	48.000	48.000			23.000	23.000	20.000						
	<i>Dự án khởi công mới</i>																	
4	Đầu tư nâng cấp hệ thống sản xuất chương trình truyền hình Bắc Kạn	2021	2022	1627/QĐ-UBND ngày 1/9/2021	48.000	48.000	48.000			23.000	23.000	20.000			90%	Đài Phát thanh - Truyền hình		
V	Thể dục, thể thao				180.000	120.000	120.000											
	<i>Dự án khởi công mới</i>																	
5	Xây dựng sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ	2022	2025	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	180.000	120.000	120.000								0%	UBND thành phố Bắc Kạn		
VI	Bảo vệ môi trường				81.000	81.000	81.000			2.678	2.678	22.000						
	<i>Dự án khởi công mới</i>																	
6	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải các thôn khu vực hồ Ba Bể	2022	2025	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	81.000	81.000	81.000			2.678	2.678	22.000			30%	Sở Xây dựng		
VII	Nông nghiệp				320.800	320.800	320.800											
	<i>Dự án khởi công mới</i>																	
7	Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Bắc Kạn	2022	2025	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	60.800	60.800	60.800			400	400	40.000			66%	Chi cục kiểm lâm		
8	Phát triển cơ sở hạ tầng vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm trên địa bàn tỉnh	2022	2025	Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	60.000	60.000	60.000			2.250	2.250				4%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện dự án		Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 được giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021			Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết năm 2021		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2022			Tỷ lệ bỏ trí vốn lũy kế	Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Vốn cho dự án liên vùng	Thu hồi các khoản ứng trước				Vốn cho dự án liên vùng				Thu hồi các khoản ứng trước
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
	TỔNG SỐ				9.851.112	6.340.869	5.360.966	1.700.000	64.966	1.811.428	1.716.802	1.688.479	930.930				
9	Đường lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025	2021	2025	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	200.000	200.000	200.000			13.883	13.883	90.000			52%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
VIII	Giao thông				4.408.149	3.715.316	3.583.000	1.700.000	50.000	1.221.182	1.126.556	1.143.930	930.930				
	<i>Dự án thu hồi vốn ứng trước</i>																
10	Đường từ ngã ba tỉnh ủy đến đường Nguyễn Văn Tố và hạ tầng nhà công vụ tỉnh ủy			342/QĐ-UBND ngày 3/3/2011	399.240	359.316	50.000		50.000	359.316	359.316				100%	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021</i>																
11	Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	2021	2025	38/NQ-HĐND ngày 07/12/2019; 24/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; 44/NQ-HĐND ngày 13/7/2021	2.837.809	2.560.000	2.737.000	1.700.000		846.120	751.494	930.930	930.930		66%	Sở Giao thông vận tải	
	<i>Khởi công mới</i>																
12	Đầu tư xây dựng tuyến đường Quảng Bạch - Bàng Phúc, huyện Chợ Đồn	2022	2025	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	146.000	126.000	126.000			4.123	4.123	34.000			30%	UBND huyện Chợ Đồn	
13	Đường nội thị thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	2022	2025	Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	106.300	81.000	81.000			1.036	1.036	23.000			30%	UBND huyện Chợ Mới	
14	Đầu tư xây dựng Hạ tầng trung tâm huyện Pác Nặm	2022	2025	Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	110.000	85.000	85.000			973	973	25.000			31%	UBND huyện Pác Nặm	
15	Xây dựng đường giao thông nội thị Vân Tùng, huyện Ngân Sơn	2022	2025	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	110.000	95.000	95.000			595	595	28.000			30%	UBND huyện Ngân Sơn	
16	Đường nội thị phía Tây thị trấn Yên Lạc, huyện Na Ri	2022	2025	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	90.000	81.000	81.000			705	705	24.000			31%	UBND huyện Na Ri	
17	Đường kết nối vào Phiêng My, thành phố Bắc Kạn	2021	2024	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	87.000	72.000	72.000			1.946	1.946	36.000			53%	UBND thành phố Bắc Kạn	
18	Đường nội thị thị trấn Phú Thông, huyện Bạch Thông	2022	2025	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	123.800	76.000	76.000			2.500	2.500	20.000			30%	UBND huyện Bạch Thông	
19	Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	2022	2025	Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	172.000	90.000	90.000			3.868	3.868	23.000			30%	UBND huyện Ba Bể	
20	Đường vào Hồ chứa nước Nặm Cẩu, thành phố Bắc Kạn	2022	2025	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	226.000	90.000	90.000			-	-	-			0%	UBND thành phố Bắc Kạn	
IX	Khu công nghiệp và khu kinh tế				493.796	493.796	239.966	-	14.966	223.179	223.179	-	-	-	-	-	
	<i>Dự án thu hồi vốn ứng trước</i>																
21	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn - GĐI			2596/QĐ-UBND ngày 01/12/2010	268.796	268.796	14.966		14.966	223.179	223.179	-	-	-		TT Phát triển hạ tầng KCN	
	<i>Khởi công mới</i>																
22	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ bản các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	2022	2025	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	225.000	225.000	225.000			-	-	-	-	-	0%	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn	
X	Du lịch				624.000	624.000	587.600	-	-	8.125	8.125	234.236	-	-	-	-	
	<i>Dự án khởi công mới</i>																

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện dự án		Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 được giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2022			Tỷ lệ bố trí vốn lũy kế	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Vốn cho dự án liên vùng	Thu hồi các khoản ứng trước				Vốn cho dự án liên vùng	Thu hồi các khoản ứng trước			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ				9.851.112	6.940.869	5.360.966	1.700.000	64.966	1.811.428	1.716.802	1.688.479	930.930				
23	Xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bè	2021	2024	1982/QĐ-UBND ngày 20/10/2021	439.000	439.000	422.600			5.033	5.033	234.236			55%	Sở Giao thông vận tải	
24	Xây dựng hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bè	2021	2024	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 04/11/2020; số 46/NQ-HĐND ngày 13/7/2021	185.000	185.000	165.000			3.092	3.092				2%	Sở Giao thông vận tải	
XI	Công nghệ thông tin				45.800	45.800	45.800			302	302	30.000					
	<i>Dự án khởi công mới</i>																
25	Nâng cấp, mở rộng hệ thống tin nền tảng phục vụ chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025	2021	2023	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	45.800	45.800	45.800			302	302	30.000			66%	Trung tâm CNTT&TT	
XII	Đổi ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi các nhà tài trợ nước ngoài				3.168.316	410.906	111.933			156.539	156.539	23.313					

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 CỦA CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Báo cáo số 311 /BC-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư								Kế hoạch năm 2021 (bao gồm cả đề nghị điều chỉnh)									KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến KH năm 2022			Chủ đầu tư		
			TMĐT								Kế hoạch năm giao đầu năm (theo Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn)			Kế hoạch năm đề nghị điều chỉnh (UBND tỉnh Bắc Kạn đã báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 5673/UBND-TH ngày 27/8/2021)														
			Số quyết định	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tỉnh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số			Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số			Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số			Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số		Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước
							Tổng số	Trong đó: vốn NSTW																				
I	TỔNG SỐ		3.168.316	932.064	290.879	0	2.235.802	1.945.607	290.195	786.754	88.620	0	698.134	658.254	88.620	0	569.634	1.315.433	111.933	0	1.203.500	433.865	23.313	0	394.552			
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC:		3.168.316	932.064	290.879	0	2.235.802	1.945.607	290.195	786.754	88.620	0	698.134	658.254	88.620	0	569.634	1.315.433	111.933	0	1.203.500	433.865	23.313	0	394.552			
I	Ngành/lĩnh vực cấp nước, thoát nước		213.630	16.946	0	0	196.684	181.719	14.965	38.113	0	0	38.113	38.113	0	0	38.113	60.000	0	0	60.000	22.287	0	0	21.887			
I	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022		213.630	16.946	0	0	196.684	181.719	14.965	38.113	0	0	38.113	38.113	0	0	38.113	60.000	0	0	60.000	22.287	0	0	21.887			
	Dự án nhóm B																											
	Chương trình Mô rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả		3102/QĐ-BNN-HTQT, 21/7/2016	213.630	16.946	0	8.761.701 USD	196.684	181.719	14.965	38.113		38.113	38.113			38.113	60.000	0	0	60.000	22.287	0	0	21.887	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn		
II	Ngành/lĩnh vực giao thông		1.871.022	514.430	250.879	0	1.356.592	1.198.499	158.093	562.641	88.620	0	474.021	470.141	88.620	0	381.521	805.316	109.852	0	695.464	234.067	21.232	0	205.930			
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022		1.871.022	514.430	250.879	0	1.356.592	1.198.499	158.093	562.641	88.620	0	474.021	470.141	88.620	0	381.521	805.316	109.852	0	695.464	234.067	21.232	0	205.930			
	Dự án nhóm B																											
	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, thị xã Bắc Kạn (giai đoạn II)		7574213	585.301	181.861	111.027	17.361.966 USD	403.440	340.662	62.778	100.000		100.000	79.500			79.500	119.730			119.730	19.730	0		19.730	UBND thành phố Bắc Kạn		
	Xây dựng cầu dân sinh và QLTS đường địa phương (LRAMP) - Hợp phần đường		7593697	214.432	18.630	0	8.700.000 USD	195.802	176.222	19.580	27.423		27.423	27.423			27.423	50.222			50.222	17.700			16.200	Sở Giao thông vận tải		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư							Kế hoạch năm 2021 (bao gồm cả đề nghị điều chỉnh)						KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến KH năm 2022			Chủ đầu tư					
			TMDT							Kế hoạch năm giao đầu năm (theo Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn)			Kế hoạch năm đề nghị điều chỉnh (UBND tỉnh Bắc Kạn đã báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 3675/UBND-TH ngày 27/8/2021)														
			Số quyết định	Trong đó:							Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:							
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn nước ngoài (vốn NSTW)							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tỉnh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)				
Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																									
	Dự án Hệ tăng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh vùng Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn- Tiểu dự án tỉnh Bắc Kạn	7641426	1205/QĐ-TTg 17/8/2017; Bắc Kạn: 1249/QĐ-UBND 25/8/2017; 1767/QĐ-UBND 23/10/2018	1.071.289	313.939	139.852	33.750,0 00 USD	757.350	681.615	75.735	435.218	88.620	346.598	363.218	88.620	274.598	635.364	109.852	525.512	196.637	21.232	170.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư				
	Ngành/Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			930.009	368.634	40.000		561.375	480.583	80.792	166.000	0	0	166.000	130.000	0	0	130.000	365.311	2.081	0	363.230	142.011	2.081	0	135.235	
	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2022			930.009	368.634	40.000		561.375	480.583	80.792	166.000	0	0	166.000	130.000	0	0	130.000	365.311	2.081	0	363.230	142.011	2.081	0	135.235	
	Dự án nhóm B																										
	Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Bắc Kạn (CSSP)	7608323	1438, 07/9/2016; 762, 02/6/2017; 223, 18/96, ngày 21/10/2020	840.129	364.129	40.000	21.250,0 00 USD	476.000	401.184	74.816	126.000		126.000	90.000		90.000	294.159	2.081		292.078	132.081	2.081		126.000	Ban Điều phối CSSP tỉnh Bắc Kạn		
	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập	7608008	451, 19/3/2020	89.880	4.505	0	3.790,00 0 USD	85.375	79.399	5.976	40.000		40.000	40.000		40.000	71.152		71.152	9.930			9.235	Ban QLDA ĐTXD tỉnh			
	Ngành/Lĩnh vực Y tế			153.655	32.054	0		121.151	84.806	36.345	20.000	0	0	20.000	20.000	0	0	20.000	84.806	0	0	84.806	35.500	0	0	31.500	
	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2022			153.655	32.054	0		121.151	84.806	36.345	20.000	0	0	20.000	20.000	0	0	20.000	84.806	0	0	84.806	35.500	0	0	31.500	
	Dự án nhóm B																										
	Dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở"- Dự án thành phần tỉnh Bắc Kạn	7847201	481, 29/3/2019; 223, 17/02/2020	153.655	32.054		5.330,00 0 USD	121.151	84.806	36.345	20.000		20.000	20.000		20.000	84.806		84.806	35.500			31.500	Sở Y tế			